|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**  Số: 482/BC-UBTVQH15 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Tiếp thu, giải trình và chỉnh lý**

**dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi)**

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội

Tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội đã thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi), có **77** lượt đại biểu Quốc hội (ĐBQH) phát biểu ý kiến ở Tổ và **15** lượt ĐBQH phát biểu ý kiến tại Hội trường. Đa số ý kiến ĐBQH tán thành về sự cần thiết ban hành Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (dự án Luật) và cơ bản nhất trí với nhiều nội dung của dự án Luật.

Ngay sau kỳ họp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã chỉ đạo Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH,CN&MT) chủ trì, phối hợp với cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan quán triệt, bám sát các mục tiêu chính sách, quan điểm và yêu cầu đối với dự án Luật đã trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 4; tổng hợp, nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo Luật theo ý kiến của các vị ĐBQH; tiếp tục tổ chức hội thảo, tọa đàm để có thêm cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện dự thảo Luật, nhất là những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

Ngày 15/02/2023, tại Phiên họp thứ 20, UBTVQH đã cho ý kiến về dự thảo Luật. Trên cơ sở ý kiến UBTVQH, dự thảo Luật đã được tiếp thu, hoàn thiện để trình tại Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách[[1]](#footnote-1) (ngày 06/4/2023) thảo luận cho ý kiến, gửi xin ý kiến các Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan, tổ chức liên quan[[2]](#footnote-2). Tại văn bản số 110/CP-PL ngày 07/4/2023, Chính phủ cũng đã thống nhất với ý kiến của UBTVQH[[3]](#footnote-3) và đề xuất của Ủy ban KH,CN&MT[[4]](#footnote-4) đối với quy định 03 vấn đề: (1) Về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (Điều 27[[5]](#footnote-5)); (2) Về dịch vụ tin cậy (Điều 31[[6]](#footnote-6)); (3) Về tài khoản định danh điện tử (Điều 48[[7]](#footnote-7) và khoản 3 Điều 49).

Sau khi tiếp thu, chỉnh lý, dự thảo Luật gồm 7 chương 54 điều trong đó đã sửa đổi, bổ sung về nội dung tại **36** điều[[8]](#footnote-8); sửa đổi, bổ sung về kỹ thuật tại **05** điều[[9]](#footnote-9); bố cục lại **01** chương[[10]](#footnote-10), bỏ **03** điều[[11]](#footnote-11) và bổ sung **02** điều[[12]](#footnote-12). Đồng thời bãi bỏ **02** điều của Luật Công nghệ thông tin[[13]](#footnote-13); sửa đổi 01 ngành nghề thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư; sửa đổi 01 tên phí thuộc Danh mục Phí, Lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và Lệ phí; thay thế cụm từ *“dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ”* bằng cụm từ *“dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ”* tại Điều 49 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và thay thế cụm từ *“hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng”* bằng cụm từ *“hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ”* tại khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức Chính phủ để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan đến giao dịch điện tử (GDĐT).

UBTVQH xin báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật này như sau:

**I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG**

**1.** **Về sự phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên**

*- Đa số ý kiến cho rằng việc ban hành dự thảo Luật là phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, định hướng xây dựng pháp luật của Quốc hội khóa XV. Nhiều ý kiến đề nghị rà soát, nghiên cứu bảo đảm sự tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; loại bỏ tối đa sự trùng lặp, chồng chéo giữa dự thảo Luật với các luật khác.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã rà soát kỹ lưỡng các văn bản quy phạm pháp luật (26 luật và các văn bản quy định chi tiết) và điều ước quốc tế (09 văn bản) liên quan đến dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành. Đồng thời, đã chỉ đạo rà soát cẩn trọng, toàn diện để hoàn thiện dự thảo Luật, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, không làm phát sinh thêm các thủ tục hành chính, gây khó khăn, cản trở khi thực hiện GDĐT.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu tiếp thu kinh nghiệm xây dựng luật của các nước phát triển và một số nước tương đồng với Việt Nam để giải trình phạm vi điều chỉnh cho phù hợp.*

Đối với vấn đề này, UBTVQH nhận thấy Tờ trình của Chính phủ, Báo cáo rà soát pháp luật và các điều ước quốc tế, Báo cáo kinh nghiệm quốc tế đã trình bày chi tiết kinh nghiệm của các nước phát triển và một số nước tương đồng với Việt Nam về phạm vi điều chỉnh. Các nghiên cứu này đã được thể hiện và đề xuất quy định trong dự thảo Luật[[14]](#footnote-14).

**2. Về hồ sơ dự án Luật**

*Có ý kiến cho rằng trong Báo cáo tổng kết thực hiện Luật hiện hành, số liệu cũ, chưa được cập nhật; bổ sung dự thảo văn bản quy định chi tiết Luật.*

Tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo tiếp thu, rà soát và cập nhật số liệu trong Báo cáo tổng kết thực hiện Luật hiện hành; chỉ đạo bổ sung dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung được giao quy định trong dự thảo Luật.

**II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ**

**1. Về những quy định chung (Chương I)**

***1.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)***

*Đa số ý kiến nhất trí với việc mở rộng phạm vi điều chỉnh và không áp dụng một số trường hợp loại trừ. Một số ý kiến tán thành việc mở rộng phạm vi điều chỉnh nhưng đề nghị cân nhắc lộ trình thực hiện để đảm bảo tính khả thi. Có ý kiến đề nghị nên hạn chế phạm vi điều chỉnh mở rộng đối với các lĩnh vực đất đai, thừa kế, ly hôn, kết hôn, khai sinh… Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định cụ thể, rõ ràng các giao dịch điện tử trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đề nghị nghiên cứu thể hiện lại khoản 2 Điều 1 để bảo đảm dễ hiểu, đúng phạm vi điều chỉnh hơn, thúc đẩy chuyển đổi số.*

UBTVQH xin báo cáo như sau:

Theo Tờ trình của Chính phủ, việc mở rộng phạm vi điều chỉnh như quy định trong dự thảo Luật dựa trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ… tại Việt Nam hiện đã sẵn sàng[[15]](#footnote-15), đảm bảo an toàn, tin cậy. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch có quyền lựa chọn về công nghệ, phương tiện điện tử… để thực hiện giao dịch.

Đồng thời, dự thảo Luật đã bổ sung các quy định về thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy trong GDĐT, giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, GDĐT trong cơ quan nhà nước… để có cơ sở pháp lý hướng dẫn giao dịch điện tử phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật.

Hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan đã cơ bản được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý cho phép các lĩnh vực đủ điều kiện có thể thực hiện GDĐT.

Bên cạnh đó, thực tiễn Việt Nam cho thấy, một số lĩnh vực loại trừ áp dụng trong phạm vi điều chỉnh của Luật GDĐT năm 2005 hiện đã được triển khai GDĐT một phần như: đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn đã có dịch vụ công trực tuyến tại nhiều địa phương… Các dịch vụ công trực tuyến do các Bộ, ngành, địa phương cung cấp đang được tích cực triển khai theo hướng khép kín toàn bộ quá trình dịch vụ từ đầu đến cuối (toàn trình). Hơn nữa, việc chuyển đổi số đang được đẩy mạnh trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội theo chủ trương, chính sách của Đảng[[16]](#footnote-16) và Nhà nước.

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, nhiều quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam (In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin…) và một số quốc gia khác cũng không hạn chế phạm vi điều chỉnh trong luật; có quốc gia chỉ quy định một số lĩnh vực loại trừ áp dụng GDĐT ở các văn bản dưới luật nhằm dễ dàng thay đổi khi điều kiện cho phép (Thái Lan).

Đối với ý kiến đề nghị quy định cụ thể, rõ ràng các GDĐT trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh để bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình tổ chức thực hiện, UBTVQH nhận thấy Luật GDĐT (sửa đổi) chỉ quy định việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử, không quy định về nội dung, hình thức, điều kiện của từng loại GDĐT thuộc các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Giao dịch trong lĩnh vực nào sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành của lĩnh vực đó.

Vì vậy, Điều 1 dự thảo Luật được chỉnh lý như sau:

*“1. Luật này quy định về việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử.*

*2. Luật này không quy định về nội dung, điều kiện, hình thức của giao dịch.”*

***1.2. Về đối tượng áp dụng (Điều 2)***

*Một số ý kiến đề nghị mở rộng đối tượng áp dụng như cá nhân, tổ chức nước ngoài, tổ chức, cá nhân có liên quan đến GDĐT; đề nghị quy định rõ hơn về các đối tượng áp dụng.*

UBTVQH đã chỉ đạo nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng về đối tượng áp dụng của dự thảo Luật và chỉnh lý Điều 2 dự thảo Luật cho phù hợp, bao quát hơn về đối tượng áp dụng như sau: *“Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến giao dịch điện tử”*.

***1.3. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)***

*Một số ý kiến cho rằng trong dự thảo Luật có nhiều thuật ngữ khó hiểu, do vậy, đề nghị rà soát, chỉnh lý, giải thích thuật ngữ để dễ hiểu hơn. Có ý kiến đề nghị bổ sung giải thích một số thuật ngữ.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Điều 3 dự thảo Luật đã được rà soát, loại bỏ, bổ sung, sắp xếp, thể hiện lại một số thuật ngữ để đảm bảo lô gíc, dễ hiểu hơn.

***1.4. Về nguyên tắc chung (Điều 4)***

*- Một số ý kiến đề nghị**bổ sung nguyên tắc bảo đảm quyền và lợi ích của các bên tham gia giao dịch, bổ sung quy định về trách nhiệm của người được cung cấp thông tin phải bảo mật thông tin trong GDĐT, tuân thủ các quy định pháp luật về dân sự, bảo đảm tính nguyên vẹn của chứng thư điện tử;...; bổ sung nguyên tắc áp dụng luật trong trường hợp pháp luật khác không quy định và luật khác quy định không thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử.*

UBTVQH nhận thấy các nguyên tắc quy định tại dự thảo Luật đã bao trùm nguyên tắc về quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia giao dịch và việc bảo mật thông tin GDĐT theo quy định của Luật này, luật khác có liên quan (Bộ luật Dân sự, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng,…). Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia giao dịch, trong dự thảo Luật đã được sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 4.

*- Có ý kiến đề nghị tại khoản 3 bỏ đoạn “Không một loại công nghệ nào được xem là duy nhất trong giao dịch điện tử”.*

UBTVQH nhận thấy dự thảo Luật đã quy định các bên tự thoả thuận về việc lựa chọn loại công nghệ, tuy nhiên trong nhiều trường hợp, do lợi thế mà một bên có thể áp đặt bắt buộc bên còn lại phải sử dụng một loại công nghệ nhất định. Nguyên tắc này quy định để không tạo rào cản về công nghệ khi thực hiện giao dịch, bảo vệ quyền của bên bị yếu thế trong GDĐT. Do vậy, đề nghị Quốc hội cho giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét điều chỉnh nguyên tắc “Giao dịch điện tử phải được tối ưu hóa quy trình, thời gian xử lý ngắn hơn, chi phí thực hiện thấp hơn so với các phương thức giao dịch khác” tại dự thảo Luật để đảm bảo tính khả thi khi thực hiện nguyên tắc này.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, trên cơ sở rà soát, đánh giá việc thực hiện nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 4, dự thảo Luật được hoàn thiện theo hướng: “*Tối ưu hóa quy trình, rút ngắn thời gian xử lý, thuận tiện hơn so với các phương thức giao dịch khác.”.*

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc để khẳng định giá trị pháp lý của các thành tố (thông điệp dữ liệu, hợp đồng điện tử, thông báo dưới dạng thông điệp dữ liệu) trong GDĐT.*

Về vấn đề này, UBTVQH thấy rằng, việc quy định giá trị pháp lý của các thành tố nêu trên đã được quy định cụ thể trong dự thảo Luật như Điều 11 (Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu); khoản 1 Điều 37 (Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử) và Điều 41 (Giá trị pháp lý của thông báo trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử) và tương đồng với Luật Mẫu về thương mại điện tử (Model Law on Electronic Commerce) năm 1996 của Liên Hợp Quốc (UNCITRAL). Như vậy, việc quy định các nguyên tắc nhằm khẳng định giá trị pháp lý của các thành tố tại Điều 4 dự thảo Luật là phù hợp. Do đó, UBTVQH xin không bổ sung nguyên tắc khẳng định giá trị pháp lý của các thành tố (thông điệp dữ liệu, hợp đồng điện tử, thông báo dưới dạng thông điệp dữ liệu) trong GDĐT vào dự thảo Luật.

***1.5. Về nội dung quản lý nhà nước về giao dịch điện tử (Điều 6)***

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung một khoản quy định về trách nhiệm của “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tuyên truyền Luật này”.*

UBTVQH nhận thấy khoản 2 Điều 3 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã thể hiện nội dung này, cụ thể: *“Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”*. Do đó, xin Quốc hội cho được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung trách nhiệm quản lý nhà nước đối với nội dung “an ninh mạng”*;“cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, phục vụ giao dịch điện tử an toàn, hiệu quả”*; “đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, phục vụ giao dịch điện tử”.*

UBTVQH nhận thấy Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng đã quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc đảm bảo an toàn, an ninh mạng; các yêu cầu về kỹ thuật đối với hệ thống thông tin, hạ tầng công nghệ,… đảm bảo phục vụ GDĐT. Đồng thời, khoản 2 Điều 5 dự thảo Luật đã quy định chính sách ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ trong GDĐT. Do đó, xin Quốc hội không bổ sung các nội dung này.

*- Có ý kiến đề nghị tại khoản 1, khoản 2 chỉnh lý, bổ sung cụm từ “xây dựng”.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý và bổ sung cụm từ *“xây dựng”* tại khoản 1 Điều 6 như sau:

*“1. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển giao dịch điện tử; văn bản quy phạm pháp luật về giao dịch điện tử; tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong giao dịch điện tử”.*

***1.6. Về trách nhiệm quản lý nhà nước về giao dịch điện tử (Điều 7)***

*Có ý kiến đề nghị quy định rõ hơn* *trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động GDĐT; có ý kiến đề nghị làm rõ vai trò quản lý nhà nước về GDĐT của cơ quan thuộc Chính phủ tại khoản 4 Điều 7; có ý kiến đề nghị bổ sung trách nhiệm quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tại Điều 7; loại trừ trách nhiệm chủ trì quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông về chữ ký số chuyên dùng công vụ,…; tại khoản 4 Điều 7, đề nghị bỏ dấu “;” thay bằng dấu “,”, bỏ cụm từ “quản lý hệ thống chứng thực” vì nó chỉ là một trong nhiều nội dung của quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ.*

UBTVQH xin báo cáo như sau:

Về ý kiến làm rõ vai trò quản lý nhà nước của cơ quan thuộc Chính phủ tại khoản 4 Điều 7 dự thảo Luật Chính phủ trình Quốc hội, UBTVQH nhận thấy cơ quan thuộc Chính phủ[[17]](#footnote-17) tuy không phải là cơ quan quản lý nhà nước nhưng vẫn thực hiện một số trách nhiệm liên quan đến quản lý nhà nước theo pháp luật chuyên ngành[[18]](#footnote-18). Trách nhiệm của cơ quan nhà nước nói chung, trách nhiệm của cơ quan thuộc Chính phủ nói riêng đã được quy định tại Chương V về Giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước (từ Điều 42 đến Điều 47). Do đó, trên cơ sở ý kiến của ĐBQH, xin Quốc hội cho phép bỏ khoản 4 Điều 7 (dự thảo Luật Chính phủ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 4) để bảo đảm chặt chẽ và thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Đối với ý kiến đề nghị bổ sung quy định trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, UBTVQH đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra tổ chức nghiên cứu kỹ lưỡng, tổ chức nhiều buổi làm việc, trao đổi giữa các cơ quan có liên quan[[19]](#footnote-19) để tiếp thu, chỉnh lý quy định này dựa trên một số quan điểm sau:   
(1) Phù hợp với chủ trương của Đảng, nhất là quan điểm *“… một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính…”* theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW[[20]](#footnote-20); (2) Thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Cơ yếu giao *Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về cơ yếu*;(3)Thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức Chính phủ *xây dựng và phát triển hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng,...*; (4) Thống nhất với quan điểm của Chính phủ *giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử*[[21]](#footnote-21). Do đó, UBTVQH đề nghị bổ sung nội dung *“Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”* vào khoản 2, khoản 3 Điều 7 và bổ sung khoản 4 Điều 7 quy định như sau: *“4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xây dựng và phát triển hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ theo quy định của pháp luật”*.

Đối với ý kiến đề nghị sửa đổi về kỹ thuật đối với khoản 4 sau khi được tiếp thu chỉnh lý, UBTVQH xin được thống nhất với nội dung giải trình ở trên.

Đối với ý kiến đề nghị loại trừ trách nhiệm chủ trì quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông về chữ ký số chuyên dùng công vụ, UBTVQH thấy rằng: (1) Quy định tách riêng trách nhiệm quản lý nhà nước về chữ ký số chuyên dùng công vụ là chưa thực sự phù hợp với chủ trương *“… một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính…”* và khác với quan điểm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ[[22]](#footnote-22); (2) Chữ ký số chuyên dùng công vụ là một loại chữ ký điện tử[[23]](#footnote-23) được sử dụng công khai trong giao dịch của cơ quan nhà nước. Việc cấp cho các cơ quan nhà nước chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng để ký số), thực chất là một hoạt động dịch vụ công phục vụ các giao dịch điện tử không chứa thông tin bí mật nhà nước (theo Luật Bảo vệ bí mật nhà nước); (3) Về thực tiễn quản lý nhà nước, Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về GDĐT. Nội dung trách nhiệm quản lý nhà nước tại dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) cũng đang được kế thừa, chỉnh lý, phù hợp với các pháp luật hiện hành.

Theo đó, Điều 7 dự thảo Luật được tiếp thu, chỉnh lý như sau:

### “Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giao dịch điện tử

*1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giao dịch điện tử.*

*2. Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử theo quy định của Luật này.*

*3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.*

*4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xây dựng và phát triển hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ theo quy định của pháp luật.”*

***1.7. Về các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử (Điều 9)***

*Có ý kiến đề nghị quy định rõ hành vi nghiêm cấm “Cản trở hoạt động hợp pháp hoặc hỗ trợ hoạt động bất hợp pháp về giao dịch điện tử”*; *bổ sung cụm từ “cá nhân” sau cụm từ “tổ chức” tại khoản 1; “chứng thư điện tử” tại khoản 6; bổ sung hành vi nghiêm cấm “Làm lộ, lọt thông tin cá nhân khi chưa được sự cho phép hoặc thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có hoạt động giao dịch điện tử”; bổ sung hành vi chủ thể dùng chữ ký số riêng của mình đưa cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật vào các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử và các hành vi khác theo quy định của pháp luật.*

UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý, bổ sung các ý kiến xác đáng của ĐBQH đảm bảo đầy đủ, rõ ràng các hành vi nghiêm cấm và được thể hiện như Điều 9 dự thảo Luật.

Đối vớiý kiến đề nghị bổ sung hành vi bị nghiêm cấm *“Làm lộ, lọt thông tin cá nhân khi chưa được sự cho phép hoặc thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có hoạt động giao dịch điện tử”*,UBTVQH nhận thấy nội dung này đã được điều chỉnh ở các luật như: Luật Công nghệ thông tin (khoản 2 Điều 12), Luật An toàn thông tin mạng (Điều 7), Luật An ninh mạng (điểm c khoản 1 Điều 18)… Do đó, xin không bổ sung hành vi nghiêm cấm nêu trên vào dự thảo Luật.

**2. Về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu (mục 1 Chương II)**

*- Một số ý kiến đề nghị thể hiện rõ hơn về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu tại Điều 11.*

Nghiên cứu tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo chỉnh lý Điều 11 dự thảo Luật trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu quy định tại Luật Mẫu về thương mại điện tử năm 1996 của Liên Hợp Quốc.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ thông điệp dữ liệu được công chứng có tương đương với văn bản công chứng hay không?; có ý kiến đề nghị thể hiện lại Điều 12 cho phù hợp với Luật Công chứng.*

Tiếp thu các ý kiến xác đáng của ĐBQH, Điều 12 dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng: trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu nếu thông tin trong thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu; trường hợp pháp luật yêu cầu văn bản phải được công chứng, chứng thực thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu nếu được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực.

*- Có ý kiến đề nghị rà soát các luật liên quan để bảo đảm tính thống nhất trong việc xác định nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự, dân sự và hành chính công là dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức khác (Điều 14); đề nghị làm rõ hơn các điều kiện bảo đảm thực thi về chứng cứ điện tử tại tòa án.*

Về vấn đề này, UBTVQH đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với cơ quan hữu quan[[24]](#footnote-24), nghiên cứu kỹ lưỡng và tiếp thu ý kiến xác đáng của các vị ĐBQH. Trên cơ sở rà soát hệ thống pháp luật và tình hình triển khai thực tế, quy định tại Điều 14 đã được thống nhất chỉnh lý trong dự thảo Luật theo hướng:giá trị dùng làm chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, gửi, nhận hoặc lưu trữ thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo, gửi, nhận thông điệp dữ liệu và các yếu tố phù hợp khác;...

Về đảm bảo các điều kiện thực thi về chứng cứ điện tử, khoản 3 Điều 14 dự thảo Luật đã quy định thông điệp dữ liệu khi được dùng làm chứng cứ thì phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về tố tụng trên cơ sở đã thống nhất với các cơ quan tư pháp để đảm bảo thực thi trên thực tế.

*- Có ý kiến cho rằng cần quy định cụ thể về việc chuyển đổi từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu và ngược lại để phù hợp thực tiễn ngành ngân hàng, hải quan; đề nghị làm rõ bằng chứng khẳng định việc chuyển đổi.*

Về nội dung này, UBTVQH đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với các cơ quan hữu quan[[25]](#footnote-25) tổ chức làm việc, nghiên cứu kỹ lưỡng, để nhận diện các vấn đề trong thực tế, tiếp thu ý kiến xác đáng của ĐBQH và đã chỉnh lý các quy định này cho phù hợp với thực tiễn ngành ngân hàng, hải quan. Do đó, Điều 15 quy định chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu đã được chỉnh lý nội dung yêu cầu chuyển đổi cần đáp ứng và giao Chính phủ quy định chi tiết, thể hiện như trong dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét lại quy định “Cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép thay thế việc lưu trữ các văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu hoặc…”; đề nghị rà soát quy định về lưu trữ thông điệp dữ liệu để đảm bảo tính thống nhất với Luật Lưu trữ.*

UBTVQH đã chỉ đạo rà soát pháp luật về lưu trữ và pháp luật chuyên ngành có quy định liên quan đến lưu trữ như pháp luật về đất đai[[26]](#footnote-26), kế toán[[27]](#footnote-27)… Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, khoản 2, khoản 3 Điều 16 đã được chỉnh lý theo hướng: trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, tổ chức, cá nhân được lựa chọn việc lưu trữ dưới dạng văn bản giấy hoặc lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu. Để đảm bảo tính thống nhất với hệ thống pháp luật, nội dung, thời hạn lưu trữ đã được chỉnh lý phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định có liên quan của pháp luật về lưu trữ.

**3. Về gửi nhận thông điệp dữ liệu (mục 2 Chương II)**

*- Có ý kiến đề nghị cần thể hiện lại quy định về khởi tạo, gửi, nhận thông điệp dữ liệu tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của dự thảo Luật cho rõ ràng, cụ thể hơn; đề nghị bổ sung quy định trường hợp có lỗi hệ thống dẫn đến việc người gửi đã gửi và người nhận thì lại không nhận được để có căn cứ pháp lý giải quyết, xử lý vấn đề này.*

Nghiên cứu tiếp thu các ý kiến nêu trên, UBTVQH đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra và cơ quan soạn thảo thể hiện lại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 dự thảo Luật theo hướng rõ ràng, cụ thể hơn quy định về người khởi tạo thông điệp dữ liệu, về thời điểm, địa điểm gửi nhận thông điệp dữ liệu. Đồng thời, dự thảo Luật cũng đã quy định về dịch vụ gửi, nhận thông điệp dữ liệu bảo đảm phục vụ cho việc xác nhận người gửi đã gửi và người nhận đã nhận để làm căn cứ giải quyết, xử lý các vấn đề trách nhiệm pháp lý liên quan.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ quy định về thời điểm, địa điểm gửi, nhập thông điệp dữ liệu vào hệ thống thông tin (Điều 18); đề nghị chỉnh lý việc xác nhận đã nhận thông điệp dữ liệu quy định tại điểm d khoản 2 Điều 19 để thống nhất với khoản 1 Điều 20; chỉnh sửa Điều 18, Điều 20 cho phù hợp với Luật Cư trú; bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của người trung gian khi gửi, nhận thông điệp dữ liệu,…*

Nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến xác đáng của ĐBQH, quy định về thời điểm, địa điểm gửi, nhập thông điệp dữ liệu tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 đã được chỉnh lý như trong dự thảo Luật.

Về ý kiến “*bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của người trung gian khi gửi, nhận thông điệp dữ liệu*”, UBTVQH nhận thấy khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật đã quy định về miễn trừ trách nhiệm của người trung gian khi gửi, nhận thông điệp dữ liệu. Bên cạnh đó, trách nhiệm của người trung gian trong từng lĩnh vực cụ thể cũng đã được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành, như pháp luật về ngân hàng, viễn thông, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, thương mại,... Vì vậy, UBTVQH xin không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ địa điểm “thường xuyên làm việc” tại khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 20.*

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, kế thừa Luật Giao dịch điện tử năm 2005, tiếp thu ý kiến xác đáng của ĐBQH, trong dự thảo Luật đã chỉnh lý cụm từ “*thường xuyên làm việc*” thành “*trụ sở có mối liên hệ mật thiết nhất với giao dịch” tại* khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 20.

**4. Về chứng thư điện tử (mục 3 Chương II)**

*Có ý kiến đề nghị bổ sung những yếu tố cần thiết để xác định giá trị pháp lý của chứng thư điện tử ở nước ngoài đảm bảo sự toàn vẹn; đề nghị làm rõ quy định đối với việc chuyển giao chứng thư điện tử.*

UBTVQH nhận thấy, việc xác định giá pháp lý chứng thư điện tử nước ngoài cần căn cứ vào các hiệp định, điều ước quốc tế và sự công nhận, thừa nhận lẫn nhau về chữ ký điện tử nước ngoài, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã quy định theo hướng: chứng thư điện tử nước ngoài không bị phủ nhận giá trị pháp lý và bổ sung quy định chứng thực chứng thư điện tử nước ngoài để xác định giá trị pháp lý tại khoản 4 Điều 22 dự thảo Luật.

Về ý kiến làm rõ quy định đối với việc chuyển giao chứng thư điện tử, tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã chỉnh lý khoản 1 Điều 23 dự thảo Luật để quy định các yêu cầu cần đáp ứng khi thực hiện việc chuyển giao quyền sở hữu đối với chứng thư điện tử theo hướng: chứng thư điện tử khẳng định được chủ thể sở hữu duy nhất và đang kiểm soát chứng thư điện tử đó và được chứng thực theo quy định của pháp luật bởi cơ quan có thẩm quyền chứng thực; hệ thống thông tin phục vụ việc chuyển giao phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 3 theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

**5. Về chữ ký điện tử (mục 1 Chương III)**

*- Có ý kiến đề nghị cần làm rõ nội hàm của chữ ký số, chữ ký điện tử; đề nghị làm rõ các hình thức OTP, SMS hay sinh trắc học có phải là chữ ký điện tử không? Có ý kiến nghiên cứu bổ sung quy định nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các biện pháp xác thực với vai trò như là chữ ký điện tử.*

Về vấn đề này, UBTVQH xin báo cáo như sau:

Hiện nay, các hình thức mã xác thực giao dịch qua tin nhắn điện tử (SMS), xác nhận mật khẩu dùng một lần (OTP), Token OTP, sinh trắc học, định danh người dùng bằng phương thức điện tử (eKYC)… được sử dụng tương đối phổ biến trong GDĐT. Tuy nhiên, các hình thức này chỉ được coi là chữ ký điện tử khi kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu, có khả năng xác nhận chủ thể ký thông điệp dữ liệu và xác nhận sự chấp thuận của chủ thể đó đối với nội dung thông điệp dữ liệu được ký quy định tại khoản 11 Điều 3 dự thảo Luật.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý nội dung giải thích từ ngữ về *“Chữ ký số”*, *“Chữ ký điện tử”* tại Điều 3. Ngoài ra, Điều 25 dự thảo Luật đã phân loại chữ ký điện tử theo phạm vi sử dụng theo 03 hình thức chữ ký điện tử bao gồm: (1) chữ ký điện tử chuyên dùng; (2) chữ ký số công cộng và (3) chữ ký số chuyên dùng công vụ để áp dụng cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng chữ ký điện tử khác nhau phù hợp với thực tiễn.

Đối với ý kiến đề nghị bổ sung quy định nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các biện pháp xác thực với vai trò như là chữ ký điện tử, UBTVQH thấy rằng theo khoản 3 Điều 4 về nguyên tắc chung tiến hành GDĐT, các bên được “*Tự thỏa thuận về việc lựa chọn loại công nghệ, phương tiện điện tử, chữ ký điện tử để thực hiện giao dịch điện tử*”. Thực tế theo báo cáo của các ngân hàng, khách hàng có thể sử dụng tài khoản giao dịch, mật khẩu, mã OTP,… do ngân hàng cung cấp để thực hiện giao dịch. Đây là một hình thức xác nhận sự chấp thuận của khách hàng đối với nội dung thông điệp dữ liệu (nội dung giao dịch), tuy nhiên những hình thức này không phải là chữ ký điện tử theo quy định của Luật này.

Do đó, UBTVQH đã chỉ đạo ﻿bổ sung khoản 4 Điều 25 quy định về “*các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử để thể hiện sự chấp thuận của chủ thể đó đối với nội dung thông điệp dữ liệu mà không phải là chữ ký điện tử thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành”* để phù hợp với thực tiễn triển khai.

*- Có ý kiến đề nghị tại khoản 3 Điều 25 bổ sung thêm điểm g như sau: “g) Chủ thể được cấp, sử dụng chữ ký điện tử phải được định danh và xác thực điện tử theo quy định của pháp luật hoặc các giải pháp khác có khả năng đối chiếu, so sánh, xác minh sinh trắc học, thông tin của cá nhân, người đứng đầu tổ chức với thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc về căn cước công dân”*.

UBTVQH xin không bổ sung quy định này vì việc định danh và xác thực điện tử, tài khoản định danh điện tử đang được đề xuất điều chỉnh tại dự án Luật Căn cước trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5.

*- Có ý kiến đề nghị ﻿bổ sung quy định về các tiêu chuẩn cụ thể tối thiểu đối với chữ ký điện tử, chứng thực chữ ký để có thể áp dụng ngay, không cần chờ văn bản pháp luật chuyên ngành sửa đổi.*

UBTVQH nhận thấy các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với chữ ký điện tử sẽ được xây dựng, ban hành theo pháp luật về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật. Do đó, xin không bổ sung các quy định này.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung một khoản quy định theo hướng các bên tham gia có quyền thoả thuận và lựa chọn mức độ tin cậy của chữ ký điện tử khi giao dịch thương mại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, tại Điều 4 dự thảo Luật đã bổ sung nguyên tắc theo hướng để các bên tham gia có quyền thoả thuận và lựa chọn không sử dụng hoặc sử dụng các hình thức khác nhau của chữ ký điện tử khi GDĐT; đồng thời, dự thảo Luật đã bổ sung quy định về các yêu cầu đối với chữ ký điện tử để đảm bảo giá trị pháp lý tương đương chữ ký cá nhân, tổ chức tại khoản 2 và khoản 3 Điều 25 dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung giá trị pháp lý của chữ ký điện tử.*

UBTVQH nhận thấy dự thảo Luật đã quy định giá trị pháp lý của chữ ký điện tử. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến xác đáng của ĐBQH, để bao quát và khẳng định giá trị pháp lý của chữ ký điện tử, chữ ký điện tử chuyên dùng, chữ ký số, Điều 26 dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng: chữ ký điện tử không bị phủ nhận giá trị pháp lý; chữ ký điện tử chuyên dùng đảm bảo an toàn và chữ ký số có giá trị tương đương chữ ký của cá nhân.

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu đổi tên Điều 27 “Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ” sang “chữ ký số chuyên dùng công vụ” cho phù hợp với phạm vi sử dụng trên thực tế; có ý kiến đề nghị đổi tên Điều 27 và thay thế cụm từ “chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ” bằng cụm từ “chữ ký số chuyên dùng công vụ”; có ý kiến đề nghị làm rõ chữ ký chuyên dùng công vụ có phải là lĩnh vực đặc thù thuộc phạm vi bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quốc phòng, an ninh.*

Nghiên cứu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH nhận thấy chữ ký số chuyên dùng Chính phủ đã và đang được sử dụng trong các hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước. Do đó, tiếp thu ý kiến ĐBQH, cụm từ *“… chuyên dùng Chính phủ”* đã được chỉnh lý thành *“… chuyên dùng công vụ”* để thể hiện rõ phạm vi sử dụng bao gồm các cơ quan Đảng, Nhà nước, phù hợp với khái niệm hoạt động công vụ đang được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành. Chính phủ đã thống nhất với nội dung này[[28]](#footnote-28). Đồng thời để phù hợp với nội dung của Điều, tên Điều 27 đã được chỉnh lý thành *“Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ”*.

Đối với ý kiến đề nghị đổi tên Điều 27 thành *“chữ ký số chuyên dùng công vụ”*, UBTVQH xin giải trình như sau:

Trong môi trường thực, mỗi cá nhân có một chữ ký của mình, sử dụng bút để ký và có dịch vụ chứng thực chữ ký. Trong môi trường số, mỗi cá nhân có một chữ ký số của mình, sử dụng phương tiện ký số (tương tự bút để ký) và có dịch vụ chứng thực chữ ký số. Vì vậy, nội dung của Điều 27 quy định về dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (không quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ). Thực tiễn thi hành Luật Giao dịch điện tử từ năm 2007 khi Chính phủ ban hành Nghị định số 26/2007/NĐ-CP và được thay thế bằng Nghị định số 130/2018/NĐ-CP đều thống nhất quy định hoạt động này là “dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ” (trong dự thảo Luật là dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ).

Khái niệm và bản chất của chữ ký số chuyên dùng công vụ đã được quy định tại khoản 12 Điều 3 và điểm c khoản 1 Điều 25 dự thảo Luật. Điều 27 tập trung quy định về dịch vụ và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ để chữ ký số chuyên dùng công vụ được sử dụng trong giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước. Do đó xin được giữ tên gọi như Điều 27 dự thảo Luật.

Đối với ý kiếncho rằng *“chữ ký chuyên dùng công vụ là lĩnh vực đặc thù thuộc phạm vi bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quốc phòng, an ninh”,* UBTVQH đã chỉ đạo rà soát và xin được giải trình như sau: (1) Theo Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, chữ ký số chuyên dùng công vụ không thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu[[29]](#footnote-29); (2) Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, thực chất là dịch vụ công[[30]](#footnote-30) nhằm cung cấp chứng thư (phương tiện để ký số) trong giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước nên không thuộc phạm vi bí mật nhà nước. Giao dịch điện tử nếu chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì sẽ vi phạm một trong các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước[[31]](#footnote-31).

*- Có ý kiến đề nghị quy định rõ cơ quan có trách nhiệm quyền hạn trong hoạt động cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng Chính phủ* *trong dự thảo Luật; chỉnh lý khoản 1 Điều 27 theo hướng quy định chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ được cung cấp bởi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hoặc quy định theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết; đề nghị bổ sung 01 khoản quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước của Ban Cơ yếu Chính phủ; ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “quản lý” và cụm từ “theo pháp luật về cơ yếu” vào cuối khoản 1 Điều 27; đề nghị bổ sung cụm từ “… theo quy định của Luật này, pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn và pháp luật về cơ yếu” vào cuối khoản 3 Điều 27; có ý kiến đề nghị rà soát hoạt động cung cấp dịch vụ để không dẫn đến cách hiểu đây là hoạt động kinh doanh có điều kiện.*

Về các ý kiến đề nghị quy định cụ thể tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ và bổ sung trách nhiệm quản lý nhà nước của Ban Cơ yếu Chính phủ vào Điều 27, UBTVQH nhận thấy trong thời gian vừa qua Ban Cơ yếu Chính phủ đã triển khai có hiệu quả việc xây dựng hệ thống và cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước. Đồng thời, quan điểm của Chính phủ đã thống nhất với UBTVQH về việc *không quy định rõ tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ và giao Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 27, để đảm bảo nguyên tắc lãnh đạo tập trung, quản lý thống nhất phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ, đảm bảo tách bạch giữa quản lý nhà nước với việc cung cấp dịch vụ*. Do đó, xin được giữ như dự thảo Luật.

Đối với ý kiến đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này,tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo bổ sung khoản 4 Điều 27 giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết để đảm bảo phù hợp với thẩm quyền, nguyên tắc lãnh đạo tập trung, quản lý thống nhất và tính linh hoạt trong hoạt động điều hành của Chính phủ.

Đối với ý kiến bổ sung cụm từ *“quản lý”* và cụm từ *“theo pháp luật về cơ yếu”* vào cuối khoản 1 Điều 27, UBTVQH nhận thấy nội dung quản lý hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ và có dẫn chiếu đến pháp luật về cơ yếu đã được quy định tại khoản 4 Điều 7 dự thảo Luật. Điều 27 chỉ tập trung quy định về dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ. Do đó, xin không bổ sung vào dự thảo Luật để tránh trùng lặp.

Đối với ý kiến rà soát hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ để không dẫn đến cách hiểu đây là hoạt động kinh doanh có điều kiện*,* UBTVQH đã chỉ đạo việc rà soát, bỏ trích dẫn tới điều khoản cụ thể tại Điều 36 và chỉnh lý để đảm bảo tính đồng bộ giữa hai hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Điều 36) và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (Điều 27).

*- Một số ý kiến đề nghị cân nhắc về chữ ký điện tử chuyên dùng khi sử dụng phải đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông trong khi chữ ký điện tử này chỉ dùng trong nội bộ của tổ chức (Điều 28). Có ý kiến đề nghị có thể đưa ra các yêu cầu cụ thể về chữ ký điện tử chuyên dùng thay vì phải đăng ký và xin chấp thuận. Có ý kiến đề nghị quy định chi tiết việc đăng ký chữ ký điện tử chuyên dùng.*

UBTVQH thấy rằng chữ ký điện tử chuyên dùng do cơ quan, tổ chức tạo lập, sử dụng riêng cho hoạt động của cơ quan, tổ chức đó phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, không được kinh doanh dịch vụ về chữ ký điện tử chuyên dùng. Chữ ký điện tử chuyên dùng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử theo quy định. Dự thảo Luật không quy định chữ ký điện tử chuyên dùng đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông. Tuy nhiên, cơ quan, tổ chức có quyền đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký điện tử chuyên dùng để khẳng định giá trị pháp lý của chữ ký điện tử chuyên dùng của mình. Để làm rõ hơn nội dung này, trong dự thảo Luật đã bổ sung khoản 3 Điều 28 theo hướng: *“Trường hợp tổ chức sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng để giao dịch với tổ chức, cá nhân bên ngoài hoặc có nhu cầu công nhận chữ ký điện tử chuyên dùng đảm bảo an toàn thì đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông để được cấp chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng đảm bảo an toàn”.*

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về cơ chế tự động công nhận chữ ký điện tử nước ngoài; làm rõ đối tượng sử dụng chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài là tổ chức, cá nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam; nghiên cứu bổ sung quy định về thủ tục công nhận tổ chức cung cấp chữ ký điện tử nước ngoài và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài, giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết thay vì giao Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn như trong dự thảo Luật.*

Trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế, UBTVQH nhận thấy cơ chế tự động công nhận chữ ký điện tử nước ngoài chưa có quốc gia nào áp dụng. Do đó, cần cân nhắc và tiếp tục nghiên cứu trước khi luật hoá và triển khai khi đủ điều kiện.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH về việc làm rõ đối tượng sử dụng chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài, trong dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định tại khoản 3 Điều 29 theo hướng *“Đối tượng sử dụng chữ ký điện tử nước ngoài, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là tổ chức, cá nhân nước ngoài; tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu giao dịch điện tử với đối tác nước ngoài mà chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử của các tổ chức cung cấp dịch vụ trong nước chưa được công nhận tại nước đó”.*

Ngoài ra, việc giao Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cho việc công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài là phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, UBTVQH xin cho giữ quy định này như trong dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ cơ quan thực hiện kết nối kỹ thuật giữa hệ thống chứng thực nước ngoài với hệ thống chứng thực điện tử quốc gia.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo chỉnh lý điểm d khoản 1 Điều 29 như sau: “*d) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài phải cập nhật trạng thái của chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài vào hệ thống kỹ thuật của cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam;*”.

*- Có ý kiến cần cân nhắc cho phép các bên được tự thoả thuận về việc sử dụng các loại chữ ký điện tử nước ngoài hoặc chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài trong giao dịch quốc tế.*

### Tiếp thu ý kiến xác đáng của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo bổ sung một điều mới quy định về chữ ký điện tử nước ngoài, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được chấp nhận trong giao dịch quốc tế tại Điều 30 dự thảo Luật.

**6. Về dịch vụ tin cậy (mục II Chương III)**

*- Có ý kiến cho rằng tên của Chương III chưa bao quát được nội hàm (chữ ký điện tử, dịch vụ tin cậy), đề nghị chỉnh lý cho phù hợp; đề nghị rà soát khoản 2 và khoản 4 Điều 31 quy định về dịch vụ tin cậy là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện cho phù hợp với Luật Đầu tư; đề nghị quy định rõ theo hướng khi doanh nghiệp hội đủ điều kiện thì cấp cả 03 loại dịch vụ tin cậy; đề nghị bổ sung quy định về trình tự, thủ tục cấp phép.*

Tiếp thu các ý kiến xác đáng của ĐBQH, UBTVQH đã chỉnh lý tên Chương III thành “*Chữ ký điện tử và Dịch vụ tin cậy*” bảo đảm bao quát nội hàm của Chương. Bên cạnh đó, quy định tại khoản 2 Điều 31 được chỉnh lý theo hướng dịch vụ tin cậy trong GDĐT là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện kinh doanh, quy trình, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép dịch vụ tin cậy tại khoản 2 Điều 32. Doanh nghiệp được quyền đăng ký một hoặc các dịch vụ theo quy định tại Điều này.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ trách nhiệm Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật đối với dịch vụ tin cậy (bao gồm chữ ký số chuyên dùng công vụ) có phù hợp không?; đề nghị quy định thống nhất về cơ quan ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về dịch vụ chữ ký số và chứng thực chữ ký số để việc áp dụng đồng bộ, thống nhất.*

UBTVQH nhận thấy, hiện nay việc xây dựng, ban hành quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật, danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số đang được Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai (đã ban hành 05 Thông tư liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn bao gồm chữ ký số chuyên dùng công vụ [[32]](#footnote-32)). Đây là trách nhiệm theo thẩm quyền đã quy định tại Luật Giao dịch điện tử năm 2005 và Nghị định 130/2018/NĐ-CP. Do đó, quy định thống nhất về cơ quan ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về dịch vụ chữ ký số và chứng thực chữ ký số để việc áp dụng đồng bộ, thống nhất là phù hợp.

*- Có ý kiến đề nghị quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy đảm bảo tương xứng với các quy định đối với dịch vụ tin cậy nước ngoài, tránh bảo hộ ngược.*

Tiếp thu ý kiến xác đáng của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý các quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy tại Điều 32 đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy trong nước, đồng thời bổ sung các điều kiện công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài và điều kiện công nhận chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 (như có báo cáo kiểm toán kỹ thuật của hệ thống; phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; cập nhật trạng thái chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài; văn phòng đại diện tại Việt Nam;…) để đảm bảo các điều kiện cung cấp dịch vụ giữa tổ chức trong nước và nước ngoài là tương đương, tránh bảo hộ ngược.

*- Có ý kiến đề nghị quy định theo hướng chỉ giao cho một cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc cấp phép cho các tổ chức cung cấp dịch vụ; đề nghị làm rõ hơn đối với loại hình dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử.*

Về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, pháp luật về thương mại hiện hành quy định Dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử *“là dịch vụ của bên thứ ba về lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của chứng từ điện tử do các bên khởi tạo trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng”*, cũng là một phần của loại hình Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu đang được điều chỉnh tại văn bản cấp Nghị định và giao Bộ Công Thương cấp phép bằng hình thức thông báo xác nhận.

Bên cạnh đó, UBTVQH thấy rằng quy định như trong dự thảo Luật Chính phủ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 4 sẽ dẫn tới trường hợp một doanh nghiệp cung cấp cùng một loại hình Dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu trong thương mại và các lĩnh vực khác phải cần hai giấy phép do hai cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp (Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông).

Do đó, tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo tiếp thu theo hướng: (1) giao một cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tin cậy (khoản 3 Điều 31), trong đó bao gồm dịch vụ lưu trữ và xác nhận tính nguyên vẹn của thông điệp dữ liệu; (2) bổ sung nội dung chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 53 để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp đang cung cấp Dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. Chính phủ cũng đã thống nhất với nội dung này[[33]](#footnote-33).

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, giao Chính phủ quy định cụ thể về trình tự, thủ tục về giấy phép dịch vụ tin cậy thay vì Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo tiếp thu theo hướng: giao Chính phủ quy định chi tiết quy trình, thủ tục, hồ sơ cấp, gia hạn, thay đổi, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép dịch vụ tin cậy tại khoản 2 Điều 32.

*- Có ý kiến đề nghị chuyển quy định “Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy” tại Điều 31 Dịch vụ tin cậy xuống Điều 32.*

Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo tiếp thu chỉnh lý Điều 31 và Điều 32 như trong dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị tăng thời hạn cấp giấy phép chữ ký số công cộng lên   
12 năm.*

UBTVQH thấy rằng thời hạn có hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng đã được mở rộng từ 05 năm (Nghị định số 26/2007/NĐ-CP) lên 10 năm (Nghị định 130/2018/NĐ-CP). Do đó, để đảm bảo tính ổn định của quy định pháp luật và có thêm thời gian tổng kết thực tiễn triển khai, xin Quốc hội cho giữ thời hạn của giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng như trong dự thảo Luật.

*- Một số ý kiến đề nghị làm rõ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công vụ và tổ chức chứng thực điện tử quốc gia, trường hợp này có phát sinh tổ chức mới không?; đề nghị bỏ khoản 4 Điều 36.*

UBTVQH nhận thấy tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công vụ là tổ chức thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ quy định tại khoản 2 Điều 27; tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia tại khoản 4 Điều 36 là tổ chức thực hiện việc phát hành, thu hồi chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng. Hai tổ chức này được thành lập và đang hoạt động từ năm 2007 đến nay trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành[[34]](#footnote-34), việc quy định các tổ chức này trong dự thảo Luật không làm phát sinh thêm các tổ chức, bộ máy mới. Đồng thời chỉnh lý lại tên gọi của *“tổ chức chứng thực điện tử quốc gia”* thành *“tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia”* để phù hợp với tên gọi và hoạt động của tổ chức này theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tiếp thu ý kiến xác đáng của ĐBQH, dự thảo Luật đã bỏ khoản 4 Điều 36, đồng thời chuyển nội dung quản lý việc phát hành, thu hồi chứng thư chữ ký số về khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật (Nội dung quản lý nhà nước về giao dịch điện tử).

*- Có ý kiến đề nghị quy định rõ các yêu cầu, tiêu chí về các cấp độ an toàn thông tin mạng.*

UBTVQH nhận thấy, Luật An toàn thông tin mạng đã có quy định về cấp độ an toàn của hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn thông tin mạng. Đồng thời các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật An toàn thông tin mạng cũng đã quy định cụ thể cách xác định cấp độ an toàn thông tin, do đó không cần thiết phải bổ sung quy định yêu cầu, tiêu chí cụ thể về các cấp độ an toàn thông tin mạng vào dự thảo Luật. Ngoài ra, dự thảo Luật cũng đã có quy định dẫn chiếu đến pháp luật về an toàn thông tin mạng tại Điều 8 về bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh mạng trong giao dịch điện tử.

**7. Về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử (từ Điều 37 đến Điều 41)**

*- Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng điện tử, về hợp đồng điện tử vô hiệu, cách giải quyết các tranh chấp phát sinh về hợp đồng điện tử, về khẳng định giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử; đề nghị nghiên cứu, bổ sung về chứng thực, công chứng trong các GDĐT và hợp đồng điện tử; có ý kiến cho rằng dự thảo Luật còn thiếu quy định để chứng thực chủ thể hợp đồng có đủ năng lực chủ thể, năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện hay bị ép buộc.*

UBTVQH thấy rằng hợp đồng điện tử chính là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu[[35]](#footnote-35). Theo đó, những ý kiến nêu trên thuộc về nội dung của hợp đồng đã được quy định tại Bộ luật Dân sự và pháp luật chuyên ngành khác có quy định về hợp đồng, không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật này. Đồng thời, quan điểm xây dựng Luật là chỉ quy định những thành tố cơ bản có giá trị pháp lý để thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử, không quy định lại nội dung, điều kiện, hình thức đã được pháp luật khác quy định. Vì vậy, UBTVQH xin được giữ quy định này như dự thảo Luật.

Về giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử, trên cơ sở Công ước của Liên Hợp Quốc về việc sử dụng việc truyền thông tin điện tử trong các hợp đồng quốc tế năm 2005 và pháp luật về thương mại điện tử, UBTVQH đã chỉ đạo chỉnh lý giá trị pháp lý của hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện từ sự tương tác giữa một hệ thống thông tin tự động với một người hoặc giữa các hệ thống thông tin tự động với nhau như tại khoản 2 Điều 37 dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định loại trừ trách nhiệm trong việc xác nhận, giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử trong trường hợp bất khả kháng.*

Về vấn đề này, UBTVQH nhận thấy Bộ luật Dân sự đã quy định việc miễn trừ trách nhiệm dân sự trong trường hợp bất khả kháng mà không loại trừ hình thức GDĐT. Do đó, UBTVQH xin không bổ sung quy định này vào dự thảo Luật.

**8. Về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước (Chương V)**

*- Có ý kiến cho rằng cần bổ sung quy định cụ thể về các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, các hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử, các chính sách hỗ trợ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước...*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý các điều từ Điều 43 đến Điều 47 dự thảo Luật quy định cụ thể về các loại hình GDĐT, các hoạt động, trách nhiệm của cơ quan nhà nước và các quy định hỗ trợ nhằm thúc đẩy GDĐT.

*- Có ý kiến cho rằng dự thảo Luật chưa quy định nghĩa vụ của cơ quan nhà nước khi xử lý dữ liệu cá nhân, dữ liệu nhạy cảm liên quan đến cá nhân.*

Về nội dung này, UBTVQH xin báo cáo như sau: Luật An toàn thông tin mạng đã có 01 mục tại Chương II quy định về bảo vệ thông tin cá nhân (trong đó quy định về nguyên tắc bảo vệ, thu thập và sử dụng, cập nhật, sửa đổi và hủy bỏ, bảo đảm an toàn thông tin và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng). Điều 26 Luật An ninh mạng đã quy định bảo đảm an ninh thông tin trên không gian mạng (trong đó quy định trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam). Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trong đó đã quy định trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân. Do đó, xin không quy định thêm nội dung này trong dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị cần quy định về tính liên thông dữ liệu và cơ sở dữ liệu dùng chung, vấn đề chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý GDĐT; bổ sung việc kết nối, chia sẻ thông tin với nền tảng định danh và xác thực điện tử theo quy định tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP; quy định rõ hơn về một công dân có một mã định danh sử dụng trong GDĐT.*

Về tính liên thông dữ liệu và cơ sở dữ liệu dùng chung, vấn đề chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý GDĐT, bổ sung việc kết nối, chia sẻ thông tin với nền tảng định danh và xác thực điện tử, UBTVQH xin báo cáo như sau:

Tại Điều 45 dự thảo Luật đã quy định cụ thể trách nhiệm, phương thức, mô hình kết nối của cơ quan nhà nước đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia GDĐT. Đồng thời, nền tảng định danh và xác thực điện tử cũng đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP và có nội dung phù hợp với các quy định tại Điều này. Do đó, xin được giữ như dự thảo Luật.

Về ý kiến đề nghị quy định rõ hơn về một công dân có một mã định danh sử dụng trong GDĐT, UBTVQH thấy rằng Luật Căn cước công dân năm 2014 đã quy định mỗi công dân có một số định danh cá nhân duy nhất và được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Vì vậy, xin Quốc hội cho phép không quy định nội dung này trong dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị rà soát về thẩm quyền quy định chi tiết danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia tại khoản 4 Điều 58 Luật Công nghệ thông tin với Điều 43 dự thảo Luật để đảm bảo tính thống nhất.*

UBTVQH thấy rằng ý kiến ĐBQH là xác đáng. Theo rà soát, Luật Công nghệ thông tin đã giao Chính phủ ban hành danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia. Tuy nhiên, tại Nghị định số 64/2007/NĐ-CP[[36]](#footnote-36) Chính phủ đã giao thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 ban hành danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử. Vì vậy, tiếp thu ý kiến ĐBQH, điểm d khoản 3 Điều 43 dự thảo Luật giao Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia để đảm bảo tính thống nhất, tính linh hoạt trong việc ban hành, cập nhật danh mục. Đồng thời bãi bỏ quy định về thẩm quyền này tại Điều 58 Luật Công nghệ thông tin.

*- Có ý kiến cho rằng Luật này sẽ bãi bỏ nhiều quy định của các cơ sở dữ liệu, do đó, cần có quy định về điều khoản chuyển tiếp để duy trì nối tiếp các cơ sở dữ liệu quốc gia; đề nghị rà soát các cơ sở dữ liệu đang được xây dựng, phê duyệt; xác định có cần quy định chuyển tiếp về việc xây dựng, phê duyệt danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia trước khi thay đổi thẩm quyền phê duyệt như trong dự thảo Luật; đề nghị cân nhắc tính hợp lý của “cơ sở dữ liệu khác” tại khoản 2 Điều 43.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát các điều khoản liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương tại Luật Công nghệ thông tin. Việc bãi bỏ Điều 58 về cơ sở dữ liệu quốc gia và Điều 59 về cơ sở dữ liệu bộ, ngành, địa phương của Luật Công nghệ thông tin, đồng thời, bổ sung quy định “*Nhà nước bảo đảm một phần hoặc toàn bộ kinh phí xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương”* (khoản 5 Điều 43 dự thảo Luật) đã đảm bảo các nội dung tại hai điều này đã được chuyển tải đầy đủ tại Điều 43 dự thảo Luật. Các quy định về cơ sở dữ liệu hiện hành vẫn tiếp tục được triển khai, duy trì mà không bị ảnh hưởng trên thực tế.

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã bỏ cụm từ *“cơ sở dữ liệu khác”* tại khoản 2 Điều 43.

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định “dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia thì có giá trị tương đương các văn bản giấy chứa thông tin được cơ quan có thẩm quyền cung cấp” và được “sử dụng chính thức” (Điều 43).*

Tiếp thu ý kiến xác đáng của ĐBQH, điểm b khoản 3 Điều 43 dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng công nhận giá trị sử dụng chính thức của dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia, tương đương văn bản giấy được cơ quan có thẩm quyền cung cấp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*- Có ý kiến đề nghị phân loại rõ dữ liệu mở của cơ quan nhà nước, bổ sung những trường hợp không nhất thiết dữ liệu mở phải toàn vẹn, như: trích lục bản án, quyết định hành chính có liên quan… và bổ sung quy định về giấy phép sử dụng và quyền tương ứng cho dữ liệu mở để doanh nghiệp và người dân dễ sử dụng, khai thác dữ liệu mở của cơ quan nhà nước và phát triển kinh tế số (Điều 46).*

Về phân loại rõ dữ liệu mở của cơ quan nhà nước, UBTVQH nhận thấy Điều 46 dự thảo Luật đang quy định “*Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ*”. Theo đó, các Bộ, ngành sẽ công bố dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực của mình. Để đảm bảo tính linh hoạt, dự thảo Luật giao Chính phủ quy định chi tiết dữ liệu mở của cơ quan nhà nước và các điều kiện bảo đảm thực hiện công bố dữ liệu mở để các cơ quan nhà nước triển khai phù hợp với nguồn lực và nhu cầu thực tế của các tổ chức, cá nhân.

Đối với đề nghị bổ sung những trường hợp không nhất thiết dữ liệu mở phải toàn vẹn, UBTVQH xin tiếp thu, chỉnh lý cụm từ *“toàn vẹn”* thành *“nguyên vẹn”* tại khoản 2 Điều 46 để thể hiện thông tin trong dữ liệu không bị thay đổi, mất mát trong quá trình cung cấp.

Về việc bổ sung quy định về giấy phép sử dụng và quyền tương ứng cho dữ liệu mở để doanh nghiệp dễ sử dụng, khai thác dữ liệu mở, UBTVQH xin được báo cáo như sau: việc bổ sung quy định về giấy phép sử dụng sẽ gây hiểu nhầm tạo rào cản đối với người dân, doanh nghiệp sử dụng, khai thác dữ liệu mở. Trong khi khoản 3 Điều 46 dự thảo Luật đã quy định “*Tổ chức, cá nhân được tự do truy cập sử dụng dữ liệu mở, không yêu cầu khai báo định danh khi khai thác, sử dụng dữ liệu mở*”.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về việc sử dụng tài liệu điện tử trong cơ quan nhà nước; bổ sung quy định về nguyên tắc bắt buộc các cơ quan nhà nước phải tiếp nhận xử lý GDĐT của người dân và doanh nghiệp; bổ sung trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan nhà nước phải bảo đảm toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính đều có bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy, sẵn sàng có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết.*

UBTVQH xin tiếp thu ý kiến xác đáng nêu trên và chỉnh lý khoản 1 và khoản 2 Điều 47 dự thảo Luật theo hướng các hoạt động của cơ quan nhà nước ưu tiên thực hiện khép kín toàn bộ quá trình dịch vụ từ đầu đến cuối (toàn trình) trên môi trường điện tử; bảo đảm toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc văn bản giấy không thuộc phạm vi bí mật nhà nước đều có bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy; sẵn sàng có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp sử dụng, thúc đẩy GDĐT; phải tiếp nhận, giải quyết yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử*,* trường hợp không tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do bằng văn bản và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc tính khả thi của quy định “cơ quan nhà nước phải đảm bảo toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc văn bản giấy không thuộc phạm vi vi phạm bí mật nhà nước đều có bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy” tại khoản 1 Điều 47; đề nghị chỉ quy định thực hiện yêu cầu như trên đối với một số lĩnh vực cần thiết.*

UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, tiếp thu và chỉnh lý khoản 1 Điều 47 theo ý kiến của ĐBQH đảm bảo tính khả thi và thống nhất với quy định hiện hành.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ tính khả thi cũng như nguồn kinh phí để triển khai thực hiện quy định này khoản 4 Điều 47.*

Về nội dung này*,* UBTVQH xin làm rõ như sau:

Về nguồn lực bảo đảm thi hành đối với chính sách thuê chuyên gia, khoản 4 Điều 47 của dự thảo Luật đã đề cập đến kinh phí thuê chuyên gia được cấp từ ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật để phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu; thực hiện các hoạt động chuyên môn kỹ thuật phục vụ quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu, các hệ thống thông tin phục vụ GDĐT của cơ quan nhà nước. Các nội dung quy định kinh phí này là cần thiết và sẽ được bảo đảm theo các nhiệm vụ, dự án thuộc các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển Chính phủ số, chuyển đổi số của các Bộ, ngành, địa phương và tuân thủ các quy định pháp luật về phân bổ, quản lý ngân sách nhà nước.

*- Có ý kiến đề xuất bổ sung Sở Thông tin và Truyền thông được thành lập thanh tra chuyên ngành để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước và thanh tra việc thực hiện pháp luật về giao dịch điện tử.*

﻿Về nội dung này, UBTVQH xin báo cáo như sau: Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật. Điều 26 Luật Thanh tra đã quy định các trường hợp thành lập thanh tra sở, theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Thanh tra sở căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương và biên chế được giao, trừ một số trường hợp đặc thù do luật định và theo quy định của Chính phủ. Do đó, xin phép không bổ sung nội dung này trong dự thảo Luật.

**9. Về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử (Chương VI)**

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc về quy định về tài khoản định danh điện tử tại Điều 48 vì được điều chỉnh tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử; có ý kiến đề nghị đối chiếu Luật Căn cước công dân (sửa đổi) do Bộ Công an đang chủ trì xây dựng, trong đó cũng có quy định về định danh và xác thực điện tử; đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về thẩm quyền, trình tự, điều kiện của quy định tài khoản định danh điện tử; trường hợp chưa cụ thể trong dự thảo Luật, quy định theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết điều này.*

Nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến nêu trên, UBTVQH đề nghị bỏ quy định về tài khoản định danh điện tử vì: (1) Nghị định số 59/2022/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử vừa mới được Chính phủ ban hành ngày 05/9/2022, cần có thời gian tổ chức thực hiện, tổng kết đánh giá trước khi được luật hóa; (2) đồng thời, Chính phủ đang trình Quốc hội dự án Luật Căn cước trong đó có nội dung này. Mặt khác, việc bỏ quy định này[[37]](#footnote-37) trong dự thảo Luật sẽ đảm bảo tính thống nhất, không có sự trùng lặp trong hệ thống pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc việc giao Chính phủ quy định chi tiết việc phân loại, yêu cầu kỹ thuật và điều kiện bảo đảm hoạt động đối với nền tảng số trung gian.*

UBTVQH thấy rằng, nếu quy định cụ thể, chi tiết việc phân loại, yêu cầu kỹ thuật và điều kiện hoạt động đối với nền tảng số trung gian sẽ không phù hợp, đảm bảo tính ổn định, lâu dài của hệ thống pháp luật do sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ cũng như tiêu chí đối với nền tảng số trung gian. Do đó, việc quy định giao Chính phủ quy định chi tiết việc phân loại, yêu cầu kỹ thuật và điều kiện bảo đảm hoạt động đối với nền tảng số trung gian tại khoản 4 Điều 48 dự thảo Luật, để đảm bảo tính ổn định của luật (tránh sửa đổi, bổ sung sau khi ban hành) và tính linh hoạt trong điều hành của Chính phủ. Do đó, xin Quốc hội cho giữ quy định như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định quyền và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ về tài khoản giao dịch điện tử.*

UBTVQH thấy rằng, dự thảo Luật quy định tài khoản giao dịch điện tử do chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử cấp và Điều 50 dự thảo Luật quy định trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin trong đó bao gồm trách nhiệm của chủ quan hệ thống thông tin cấp tài khoản giao dịch điện tử. Do đó, đề nghị Quốc hội cho giữ quy định như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định trường hợp thông tin vi phạm trên nền tảng số được bắt nguồn từ người sử dụng dịch vụ, nhà cung cấp nền tảng số sẽ không phải chịu trách nhiệm về thông tin được lưu trữ theo yêu cầu của người nhận dịch vụ, quy định chi tiết biện pháp khắc phục, xử lý.*

Nội dung này đã được quy định tại các Điều 16, 17 và 20 Luật Công nghệ thông tin, quy định về việc không phải chịu trách nhiệm trong việc truyền đưa, lưu trữ, theo dõi, giám sát,… thông tin số trên môi trường mạng. Do đó, xin không bổ sung nội dung này trong dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định quyền và nghĩa vụ của người trung gian trong GDĐT liên quan đến bảo mật thông tin trong GDĐT, trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian, chủ quản hệ thống thông tin, tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy…; quy trình, cách thức phối hợp giữa chủ quản hệ thống thông tin với cơ quan nhà nước trong việc xử lý các trường hợp thông tin vi phạm pháp luật.*

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến các vị ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý các quy định tại Chương VI về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử. Về trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin, trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian (quy mô lớn, quy mô rất lớn) đã được chỉnh lý, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 50 để đảm bảo tính khả thi và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động điều hành của Chính phủ.

*- Có ý kiến cho rằng quy định tại điểm b khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 50 chưa phù hợp đối với trường hợp ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ trên nền tảng số.*

Về vấn đề này, UBTVQH đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với cơ quan hữu quan[[38]](#footnote-38), nghiên cứu kỹ lưỡng và tiếp thu ý kiến xác đáng của các vị ĐBQH. Trên cơ sở rà soát tình hình triển khai thực tế, Điều 50 đã được chỉnh lý như điểm b, c khoản 1… để đảm bảo phù hợp với hoạt động của ngân hàng thương mại khi cung cấp dịch vụ trên nền tảng số.

*- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể trách nhiệm giám sát, quản lý hệ thống thông tin phục vụ GDĐT của các cơ quan nhà nước có liên quan.*

UBTVQH thấy rằng các ý kiến ĐBQH là xác đáng. Tiếp thu ý kiến của ĐBQH, để đảm bảo tính khả thi, Điều 51 được đổi tên và chỉnh lý nội dung tương ứng, từ “Trách nhiệm giám sát của cơ quan nhà nước” thành “Báo cáo tổng hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về GDĐT”. Theo đó, chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm giám sát hệ thống của mình; cơ quan nhà nước quản lý công tác báo cáo, tổng hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về GDĐT bằng phương tiện điện tử. Ngoài ra, dự thảo Luật còn chỉnh lý quy định về trách nhiệm có liên quan của Bộ Thông tin và Truyền thông.

*- Có ý kiến đề nghị quy định rõ đối tượng và quy trình giám sát tại khoản 1 Điều 51.*

UBTVQH thấy rằng Điều 51 dự thảo Luật đang quy định trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phải giám sát hệ thống thông tin của mình bằng phương tiện điện tử là phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về an toàn thông tin mạng. Theo đó, nội dung, đối tượng, chủ thể giám sát hệ thống thông tin đã được quy định tại Điều 24 Luật An toàn thông tin mạng. Do đó, xin không bổ sung quy định này trong dự thảo Luật.

*- Đề nghị điều chỉnh tên Chương VI Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử thành Chương Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc quản lý thực hiện giao dịch điện tử.*

Về vấn đề này, UBTVQH xin báo cáo như sau: Nội dung của Chương VI không chỉ đề cập trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng, quản lý hệ thống thông tin, mà còn quy định về phân loại hệ thống thông tin, nền tảng số, tài khoản giao dịch điện tử là những cấu thành hạ tầng kỹ thuật phục vụ GDĐT. Do đó, xin Quốc hội cho được giữ tên Chương như dự thảo Luật.

**10. Về an toàn thông tin và an ninh mạng trong giao dịch điện tử (Chương VII)**

*Có ý kiến đề nghị cụ thể hóa việc bảo đảm an ninh, an toàn, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật trong giao dịch điện tử; đề nghị cân nhắc Điều 52 để không chồng chéo với quy định tại Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng,…*

Về nội dung này, UBTVQH đã chỉ đạo rà soát, nghiên cứu và thấy rằng việc bảo đảm an ninh, an toàn, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật đã được quy định tại các Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Cơ yếu, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các Luật có liên quan. Do đó, trong dự thảo Luật đã chuyển nội dung 02 Điều tại Chương VII thành Điều 8 tại Chương I theo hướng dẫn chiếu tới các Luật trên.

**11. Một số nội dung khác**

*- Có ý kiến đề nghị rà soát, bổ sung quy định chung về quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong GDĐT; có ý kiến cho rằng cần cung cấp hành lang pháp lý thông thoáng và an toàn tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức và các thành phần trong xã hội tham gia thực hiện các GDĐT; có ý kiến cho rằng cần đề cao vai trò, trách nhiệm của các bên khi thực hiện GDĐT.*

Về nội dung này, UBTVQH nhận thấy dự thảo Luật quy định các thành tố cơ bản về công nghệ, kỹ thuật để thực hiện các giao dịch trên môi trường số, đảm bảo GDĐT an toàn, tin cậy, có giá trị pháp lý; không quy định lại nội dung, điều kiện của giao dịch đã được pháp luật khác quy định. Đồng thời, dự thảo Luật cũng đã quy định rõ nội dung quản lý nhà nước về GDĐT (Điều 6) và phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về GDĐT (Điều 7). Do đó, UBTVQH xin không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung chính sách ưu tiên phát triển hạ tầng công nghệ đối với khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn.*

Tiếp thu ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã bổ sung chỉnh lý lại khoản 2 Điều 5 dự thảo Luật như sau: “*2. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ, phát triển và ứng dụng các công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực trong giao dịch điện tử, đặc biệt tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.*”.

*- Một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định về xử lý, giải quyết tranh chấp trong GDĐT, hợp đồng điện tử. Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể để làm rõ tính chất, mức độ vi phạm và chế tài phù hợp đối với từng mức độ vi phạm hoặc quy định cụ thể dẫn chiếu đến luật chuyên ngành về phương thức giải quyết tranh chấp đặc thù liên quan đến việc ký kết và thực hiện GDĐT.*

UBTVQH xin giải trình như sau: khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định: *“Không quy định chương riêng về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm trong văn bản quy phạm pháp luật nếu không có nội dung mới.”.* Xuất phát từ phạm vi điều chỉnh, Luật này không quy định về nội dung, điều kiện, hình thức của giao dịch. Vì vậy, mọi tranh chấp, vi phạm nếu có sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành điều chỉnh giao dịch đó. Pháp luật về dân sự, thương mại, sở hữu trí tuệ, đất đai... đều có các quy định về giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm hành chính. Do đó, UBTVQH đề nghị không bổ sung các quy định về xử lý, giải quyết tranh chấp trong GDĐT, hợp đồng điện tử vào dự thảo Luật.

***-*** *Có ý kiến đề nghị nghiên cứu sự cần thiết quy định nội dung tại khoản 1 Điều 53 vì những giao dịch điện tử được xác lập trước khi Luật này được ban hành và đang thực hiện mặc nhiên áp dụng văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm đó; đề nghị bổ sung quy định chuyển đổi giấy phép đang có để đảm bảo quyền và lợi ích của tổ chức cung cấp dịch vụ.*

Về nội dung này, UBTVQH xin giải trình như sau: việc quy định điều khoản chuyển tiếp là cần thiết để thống nhất áp dụng các quy định pháp luật được ban hành trước thời điểm Luật này có hiệu lực đối với những GDĐT đã được xác lập trước đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia GDĐT. Bên cạnh đó, khoản 2 và khoản 3 Điều 53 dự thảo Luật đã quy định chuyển tiếp đối với các giấy phép cung cấp dịch vụ được cấp trước thời điểm Luật có hiệu lực vẫn tiếp tục được sử dụng đến khi hết thời hạn. Do đó, xin Quốc hội cho giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung và cân nhắc thời điểm Luật có hiệu lực để đảm bảo các bên tham gia giao dịch có thời gian chuẩn bị tuân thủ.*

Tiếp thu ý kiến xác đáng của ĐBQH, UBTVQH đã bổ sung, chỉnh lý tại khoản 1 Điều 54 như trong dự thảo Luật. Theo đó, dự thảo Luật dự kiến có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 (thời gian để tổ chức, cá nhân chuẩn bị là   
01 năm).

Ngoài các vấn đề trên đây, UBTVQH đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan rà soát, hoàn thiện văn phong pháp lý, sắp xếp, bố cục lại dự thảo Luật cho hợp lý và lô gíc hơn. Dự thảo Luật sau khi tiếp thu, chỉnh lý gồm **07** Chương, **54** Điều.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi), Ủy ban Thường vụ Quốc hội kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Chính phủ;  - Các Bộ: TTTT, Tư pháp;  - TT các Ủy ban: KH,CN&MT; PL;  - Lưu: HC, KHCNMT.  E-pas: 109686 | **TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **(Đã ký)**  **Nguyễn Đức Hải** |

1. 05 lượt ĐBQH phát biểu ý kiến tại Hội trường và 01 ý kiến bằng văn bản. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tính đến ngày 17/05/2023, đã có 65 cơ quan gửi văn bản góp ý về dự thảo Luật, gồm 57 Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, 05 Ủy ban, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. [↑](#footnote-ref-2)
3. Thông báo số 2034/TB-TTKQH ngày 01 tháng 3 năm 2023. [↑](#footnote-ref-3)
4. Công văn số 1278/UBKHCNMT15 của Ủy ban KH,CN&MT ngày 15 tháng 3 năm 2023. [↑](#footnote-ref-4)
5. Điều 26 của dự thảo Luật do Chính phủ trình Quốc hội. [↑](#footnote-ref-5)
6. Điều 29 của dự thảo Luật do Chính phủ trình Quốc hội. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đã bỏ. [↑](#footnote-ref-7)
8. Sửa đổi, bổ sung về nội dung tại 36 điều (Điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 15, 16, 17, 20, 22, 23, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 36, 37, 45, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53). [↑](#footnote-ref-8)
9. Điều 10, 18, 24, 43, 46. [↑](#footnote-ref-9)
10. Chương VII An toàn thông tin và an ninh mạng trong giao dịch điện tử. [↑](#footnote-ref-10)
11. Điều 46, Điều 48, Điều 52 dự thảo Luật do Chính phủ trình Quốc hội. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điều 8 và 30. [↑](#footnote-ref-12)
13. Điều 58, Điều 59. [↑](#footnote-ref-13)
14. Cụ thể: “Một số quốc gia cũng không có quy định các lĩnh vực loại trừ (Hàn Quốc, Indonesia, Philippines,…), có quốc gia chỉ nêu các trường hợp loại trừ ở các văn bản dưới luật nhằm dễ dàng thay đổi khi điều kiện thực tiễn cho phép (Thái Lan), có quốc gia đã thu hẹp phạm vi các lĩnh vực loại trừ trong Luật (Singapore).” [↑](#footnote-ref-14)
15. Giao dịch điện tử đã và đang thực hiện phổ biến trong tất cả các lĩnh vực, hoạt động đời sống kinh tế, xã hội. Với sự phát triển của khoa học công nghệ, chữ ký số khó giả mạo hơn chữ ký tay; nhận dạng khuôn mặt bằng máy chính xác hơn nhận dạng khuôn mặt bằng mắt thường; dữ liệu số trở thành cốt lõi và hệ thống thông tin, nền tảng số đã sẵn sàng đáp ứng được yêu cầu đặt ra đối với GDĐT… [↑](#footnote-ref-15)
16. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045. [↑](#footnote-ref-16)
17. Là cơ quan do Chính phủ thành lập, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Chính phủ; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ và quyền hạn được giao (Điều 42, Luật Tổ chức Chính phủ). [↑](#footnote-ref-17)
18. Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Cơ yếu,… [↑](#footnote-ref-18)
19. Thường trực Ủy ban KH,CN&MT, đại diện Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Quốc phòng và An ninh, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. [↑](#footnote-ref-19)
20. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khoá XII ﻿về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. [↑](#footnote-ref-20)
21. Công văn số 110/CP-PL ngày 07/4/2023. [↑](#footnote-ref-21)
22. Công văn số 110/CP-PL ngày 07/4/2023. [↑](#footnote-ref-22)
23. Chữ ký số công cộng, chữ ký số chuyên dùng công vụ, chữ ký điện tử chuyên dùng, chữ ký điện tử chuyên dùng đảm bảo an toàn. [↑](#footnote-ref-23)
24. Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đã tổ chức làm việc với đại diện Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Bộ Công an, Toà án Nhân dân tối cao… [↑](#footnote-ref-24)
25. Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đã tổ chức khảo sát, hội thảo, tọa đàm, trao đổi trực tiếp với đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, các ngân hàng thương mại cổ phần, sàn thương mại điện tử trong và ngoài nước; Hội Tin học Việt Nam và các doanh nghiệp công nghệ số. [↑](#footnote-ref-25)
26. ﻿Điều 30 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT quy định các loại tài liệu lưu trữ 05 năm và vĩnh viễn. [↑](#footnote-ref-26)
27. ﻿Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định 174/2016/NĐ-CP quy định các loại Tài liệu kế toán phải lưu trữ tối thiểu 5 năm, 10 năm, vĩnh viễn. [↑](#footnote-ref-27)
28. Tại văn bản số 110/CP-PL ngày 07/4/2023. [↑](#footnote-ref-28)
29. Tại khoản 2 Điều 7 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. [↑](#footnote-ref-29)
30. Tại Cổng Dịch vụ công của Bộ Quốc phòng: https://dichvucong.mod.gov.vn. [↑](#footnote-ref-30)
31. Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định: *“Truyền đưa bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin, viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu”.* [↑](#footnote-ref-31)
32. Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; Thông tư số 06/2015/TT-BTTTT ngày 23/3/2015 quy định Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước; Thông tư số 16/2019/TT-BTTTT ngày 05/12/2019 quy định Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số trên thiết bị di động và ký số từ xa; Thông tư số 04/2019/TT-BTTTT ngày 05/7/2019 quy định về việc liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;… [↑](#footnote-ref-32)
33. Tại văn bản số 110/CP-PL ngày 07/4/2023. [↑](#footnote-ref-33)
34. Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018, Quyết định số 1592/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thành lập Tổ chức chứng thực điện tử quốc gia và giao Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức. Cũng thuộc danh mục số 1901/QĐ-TTg ngày 29/11/2017 ban hành danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông do Thủ tướng Chính phủ quyết định (phù hợp với thẩm quyền quy định tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP: Điều 13 và Điều 17). Quyết định số 26/QĐ-BTTTT ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia. [↑](#footnote-ref-34)
35. Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu (Điều 33 Luật Giao dịch điện tử năm 2005 này là khoản 15 Điều 3 dự thảo Luật ). [↑](#footnote-ref-35)
36. Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. [↑](#footnote-ref-36)
37. Ngày 13/01/2023 và ngày 02/02/2023, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT tổ chức các cuộc họp làm việc với một số bộ, ngành, cơ quan liên quan (Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Văn phòng Chính phủ, Ban Cơ yếu Chính phủ, Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Tư pháp, Ủy ban Quốc phòng và An ninh) đã thống nhất về đề nghị này. [↑](#footnote-ref-37)
38. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng, các ngân hàng thương mại. [↑](#footnote-ref-38)